

KIẾN LẬP MẠN TRÀ LA HỘ MA NGHI QUỸ (PHÁP TOÀN)

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Ngày đầu tiên: Dùng **Tính Như Lai** gia trì thân mình với cúng dường, cảnh giác **Địa Thần**, chọn bỏ các vật ác trong đất, đắp đất khiến cho thật chặt

Ngày thứ hai: Ở bên trong Đàn, đào sâu một khuỷu tay, dùng **Bất Động Minh** gia trì nhóm năm thứ sáu, xếp đặt vị trí của Thánh Tôn. Dùng Bạch Đàn chắm vị trí của năm Đức Phật, bốn vị Bồ Tát

Ngày thứ ba: Đẻ các bình, dùng **Bất Động Minh** gia trì 108 biến

Ngày thứ tư: Chiều tối, tiếp đến dùng **Hương Thủy Chân Ngôn** 108 biến, sau đó rưới vẩy khiến cho sạch sẽ (sái tịnh)

Ngày thứ năm: Hộ Thân, cúng dường. Dùng **Bất Động** hoặc **Giáng Tam Thế** 108 biến, tiếp đến dùng **Trì Địa Minh**

Ngày thứ sáu: Ban đêm, Thầy với Đệ Tử tắm gội, mặc áo sạch, đi đến Đàn như Pháp cúng dường cùng với Ấn Tướng, úng dùng bàn tay ấn đè **Trung Thai**, trì **Minh** một lần thì ấn đè một lần cho đến bảy lần. Vị trí của các Tôn cũng dựa theo đây

Ngày thứ bảy: Tiếp theo dạy bảo Đệ Tử: **Tam Quy, Sám Hối, phát Tâm Bồ Đề**

_ Cúi đầu quy mệnh lễ

Tất cả **Bạc Già Phạm** (Bhagavam: Thệ Tôn)

Với **Pháp**, các Bồ Tát

Mật Tích Đại Phần Nộ

Vì lợi tu **Du Già** (Yoga)

Mau thành **Đại Tất Địa** (Mahā-siddhi)

Lìa xa các lỗi lầm

Dựng lập **Mạn Trà La** (Maṇḍala:Đàn Trường)

Kèm bày Pháp **Hộ Ma** (Homa)

_ Người khéo trụ **Du Già** (Yoga)

Trước dùng **Tịnh Pháp Giới**

An lập **Khí Thế Gian** (Bhājana-loka)

Quán Tâm **Diệu Bồ Đề**

Thân đồng với **Tất Đồa** (Satva)

Màu như pha lê biếc

Trụ ở **Yết Ma Luân** (Karma-cakra)

Dùng **Đại Chân Ngôn Vương**

Đầy khắp chi phần thân

Chữ **Ám** (鉞:Āṃ) ngay đỉnh đầu

Khiêm (丈:Kham), **Ám** (珙:Am) tai trái phải

Tại trán tên là **Ác** (珙:Ah)

Tâm (戌:Sam), **Sách** (戌:Sah) tại hai vai

Ham (𧇗:Ham), **Hạc** (有:Haḥ) làm hợng, tim

Lam (劣:Raṃ) **Lạc** (𠂇:Raḥ) làm rón, eo

Tông (圳:Vaṃ), **Phộc** (地:Vaḥ) ùi, bàn chân

Ba chỗ **Đệ Su Đản**

Như Pháp dùng gia trì

Biến khắp thành vòng lửa (diễm man)

Gặp ngày, thời phận tốt

Tú Diệu đều tương ứng

Thực tiền, tướng cát tường

Nên chọn lựa nơi đất

Trừ bỏ các xấu ác

Trước, lễ các Như Lai

Cảnh Phát với **Địa Thần**

Nên nói Kệ như vậy

(Phạn văn như **Thai Tạng**)

[**Tvaṃ devī sākṣi putāsi**

Sarva buddhāna tāyināṃ

Caryā naya vísaitta

Bhūmi pāramitā suca

Māra-senyaṃ yathā bhagnaṃ

Śākya-simhena tāyina

Tatha ahaṃ māra jayaṃ-kṛtva

Maṃḍalaṃ leḥ likhāmyahaṃ]

“Ngài, Thiên Nữ hộ giúp

Nơi chư Phật, Đạo Sư

Tu hành Hạnh thù thắng

Tĩnh Địa Ba La Mật

Như phá chúng Ma Quân

Thích Sư Tử cứu thế

Ta cũng giáng phục Ma

Ta vẽ Mạn Trà La”

_ Trường quỳ (quỳ thẳng lưng) duỗi tay phải

Ăn đất, luôn tụng Kệ

Dùng nhóm hương xoa, hoa...

Cúng dường Phật Bồ Tát

Với quyền thuộc Địa Thần

Rưới vẩy nước thơm sạch

Rồi lại trị đất ấy

Địa Thần trì thứ tự

Chân Ngôn là:

“**Án, bộ, khiêm**”

隅 飾 磨

Oṃ bhūḥ khaṃ

_ **Kim Cương Phộc** mở chuông (lòng bàn tay)

Ngừa đê, tập hăm một (21)

Che đê cũng như vậy
Liên thành đất bền chắc
Quét, rưới vẩy, lau xoa (trước bảy ngày)



_ Sập tối, cầm hương hoa
Một mình đến Đàn Xứ
Hương Đông, cầm lò hương
Tụng Kệ **Khái Thỉnh Địa**
“Chư Phật thương yêu loài hữu tình
Nguyện xin lưu niệm nơi chúng con
Nay con thỉnh bạch chư Hiền Thánh
Kiên Lao Địa Thiên (Dṛḍha-pṛthivī) kèm quyển thuộc
Tất cả Như Lai với Phật Tử
Chẳng bỏ **Bi Nguyện** đều giáng lâm
Con trao đất này, cầu thành tựu
Xin hãy chứng minh, gia hộ con” (3 lần)

_ Ân cần phụng thỉnh xong
Thánh Chúng vân tập khắp
Đại Nhật: thân thanh tịnh
Vòng khắp cả Pháp Giới
Mười phương Phật cũng vậy
Ba nghiệp chí thành lễ
_ Quý hai gối, thẳng lưng
Định (tay trái) cầm chày Kim Cương
Dựng thẳng ngang trái tim
Tuệ Thủ (tay phải) duỗi năm ngón
Bình chưởng (lòng bàn tay bằng phẳng) đê mặt đất
Như trước **Cảnh Phát Địa Thân**
Mỗi tụng, mỗi lần đê
Tập nơi **Bản Chân Ngôn** (108 biến)
Nên chí thành **khải cáo** (trình bày với bậc bên trên)
“Ngưỡng bạch chư Như Lai
Các chúng Đại Bồ Tát
Thanh Văn với Duyên Giác
Trời, Rồng và tám Bộ
Nhóm **Linh Kỳ** (Thần của trời đất) nơi này
Con [họ tên...(tùy theo việc mong cầu mà trình bày)] y Giáo **Trì Minh Tạng**
Trì Chân Ngôn của Tôn (tên gọi của Tôn...)
Vì cầu Đạo vô thượng
Muốn ở trong đất này

Dựng lập **Mạn Trà La** (Maṇḍala:Đàn Trường)
Kèm tu hành **Niệm Tụng**
Nguyện **Tôn** nhớ Bản Thể
Hứa cho con dựng lập
Hộ trợ con, *đừng để*
Thiên Ma, Quỷ Thần ác
Não loạn gây chướng nạn
Thích Ca (Śākya-muni) dưới **cây Đạo** (cây Bồ Đề)
Giáng phục chúng Ma Oán
Nay con cũng như thế
_ Nếu có các chướng nạn
Nguyện chư Phật Bồ Tát
Chỉ con **tướng lúc trước** (tiên tướng)
Đừng để cho Quỷ Thần
Giả dối hiện mê hoặc
Nếu không có chướng nạn
Nguyện thấy cảnh tốt lành”

_ Lặng yên mà an tọa
Trì **Bản Chân Ngôn Minh**
Một ngàn hoặc một trăm
Nên lia các tư tưởng
Đủ số xong, ngủ yên
Chuyên chú **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
Vành trăng, ngọc Như Ý
Trong ngoài sáng trong suốt
Thành tựu, chẳng thành tựu
Đều hiện ở gương tim
Người chẳng khéo, cưỡng làm
Tự chiêu vời tổn hại

_ **Tiên Tướng** (tướng lúc trước) khéo dựng lập
Đến ngay trong Đàn Xứ
Xếp vuông vức một khuỷu (1 khuỷu tay)
Đào xuống, bỏ gạch đá
Lấp đất, nện bằng phẳng
Nghiem tướng **hur, thật** ấy

_ Người có thể dựng lập
Bất Động Mẫu Nại La (Bất Động Ấn)
Trăm tám (108) hộ đất ấy
Sau đó nên đào chung (tổng quật)
Thieu (cái mai, cái thuồng) **Ấn**: Kim Cương Phộc
Dựng Thiên Trí (2 ngón cái) Tiến Lực (2 ngón trỏ)



Chân Ngôn là (21 biến)

“Án, nễ khur na, phộc tô đề, sa-phộc hạ”

隅 市几巧 向鉏奴 送扣

Oṃ_ nikhana vasudhe svāhā

_ Lựa bỏ các uế ác

Chẳng thể thể đất sạch

Lớp lớp rưới nước thơm

Bằng phẳng như gương sạch

Tâm Đàn để năm báu

Là vàng, bạc, trân châu

Sắt sắt (đá báu màu xanh biếc), báu pha lê

Linh Dược là Xích Tiên

Nhân Sâm và Phục Linh

Xương Bò, Thiên Môn Đông

Lúc đậu, đại tiểu mạch

Nhóm đậu xanh, hạt mè (hồ ma)

Trầm Hương, Đàn (Đàn hương), Đinh Hương

Hương: Uất Kim, Long Nảo

Đầy trong vật vàng bạc

Địa Thiên dùng kết hộ (108 biến)

Nước thơm hòa **Cò Di** (Gaumayī: phân bò)

Vô Năng Thắng gia trì (Hoặc **Mã Đầu Minh Vương**)

Đồ Địa Chân Ngôn là:

(從東北隅右旋塗拭蓮子華蜀葵葉茅香墨土相和如法淨揩磨令光淨)

(Từ góc Đông Bắc, xoay theo bên phải lau xoa. Hạt sen, hoa, Thục Quỳ, lá, cỏ tranh, hương, mực, đất...cùng hòa nhau như Pháp, lau mài sạch sẽ khiến cho sạch sáng)



“Án, ca la lê (1) ma ha ca la lê, sa-phộc hạ”

隅 一全同 互扣 一全同 送扣

Oṃ_ Karāle mahā-karāle svāhā

Tảo Địa Chân Ngôn là: (lại rưới vẩy nước thơm)



“**Án, hạ la hạ la, tổ ngật-la, hạ noa dã, sa-phộc hạ**”

渴 扣先 扣先 先冗奇 扣先仗伏 送扣

Om_ hāra hāra, raja-ugra-ahāraṇiya svāhā

_ Bạch Đàn xoa **Tôn Vị** (vị trí của Tôn)

Biện Sự Minh ngàn biển

Tiếp dùng Từ Bi quán

Quán niệm các chúng sinh

Tập nơi **Cam Lộ Minh**

Tưởng vị trí từ Tâm

Trú xứ của Đạo Sư

Tám cánh theo Ý sinh

Hoa sen thật nghiêm lệ

Trong vành trăng tròn đầy

Không dơ như gương sạch

Nơi ấy thường an trụ

_ Chân Ngôn Cứu Thế Tôn

Màu vàng tỏa lửa sáng

Hại Độc Trụ Tam Muội

Như mặt trời, khó nhìn

Các **Nhân Giả** cũng thế

Ở trong gương tròn ấy

Tự thấy thân tướng ấy

Ngang đồng với thân Phật

(tác Quán này, trước tiên quán duyên bên ngoài, sau đó dẫn vào thân của mình)

_ Hành Giả tại **Phật Thát**

Đỉnh kế, trăm ánh sáng

Chiếu khắp vô biên cõi

Khéo điều hòa Tâm Khí

Liên tụng (tụng liên tục) **A Tụ Minh** (珙:Am)

Mội hơi cho đến ba

Tận sức, nên niệm tụng

_ Tâm chạm biết, tương ứng

Lìa tất cả phân biệt

Từ Thê **Tịnh Pháp Giới**

Dựng lập Mạn Trà La

Đỉnh lễ nơi Thế Tôn

Với **Bát Nhã Phật Mẫu**

_ Tiếp, điều hòa màu sắc

Hộ dùng, không thể hại
Vận bày các Thánh Tôn
Mà vẽ thân trang nghiêm
_ Tiếp bày nơi **Hộ Ma** (Homa)
Pháp vi mật thành tựu
Liên ở Tịnh Thất mới
Dựng lập nơi Đạo Trường
Đặt bày diêu hương hoa
Chân thành mà cúng dường
_ Y Pháp, **kết Tịnh** xong
Tức Tai (Śāntika) và **Tăng Vinh** (Puṣṭika: Tăng Ích)
Kính Ái (Vaśīkaraṇa) với **Giáng Phục** (Abhicāruka)
Uy Thần chẳng thể lường
Hay **hồi** (trở về) Tâm trời đất
Công dụng không bờ mé
Mở lớn, chứa **Phước linh**
Các Đàn cúng lửa ấy
Gia lâm mà rất nhiều
Tùy loại, cầu các Nguyện
Mỗi mỗi đều sai khác

_ **Hộ Ma** (Homa) lược hai loại
Ấy là **Nội** (bên trong) với **Ngoại** (bên ngoài)
_ Nói **Nội Hộ Ma** là
Do các chúng sinh ấy
Đều từ Nghiệp sinh ra
Tịnh Trừ nơi Nghiệp ấy
Tức là được giải thoát
Hay thiêu đốt Nghiệp cũ
Ấy là **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
Tên là **Nội Hộ Ma**
Như lửa Thế Gian ấy
Đốt vật thành tro tàn
Nay, đây tức chẳng thể
Làm Trí mạnh bén (của) mình
Đốt tất cả phiền não
Như lửa của **Kiếp Thiêu**
Không có chỗ tàn dư
Ba nơi đồng một Thể
_ Đại Đàn tức Hộ Ma
Hộ Ma tức thân mình
Thân mình tức **Hỏa Thiên** (Agni)
Hỏa Thiên tức **Đại Nhật** (Vairocana)
Thân miệng ý hòa hợp
Ba **bình đẳng** không khác
Đầy đủ nơi **ba Thân**
Lượng vòng khắp Pháp Giới
Chẳng sinh cũng chẳng diệt

Lìa **nói**, lìa **tướng nói**
Sinh cùng với **không sinh**
Đều là **Đại Nhật Tôn**
Quán ở **A Tự Môn**

(Nghĩa **vốn chẳng sinh** tức là Tâm Bồ Đề. Nay muốn hiển thấy thì dùng phương tiện nào để được thấy)

_ **Hoặc Chướng** (một trong bốn loại chướng ngại) đã ngăn che

Nhập vào Trí mạnh bén

Giáp vòng thành lửa sáng

Như **Kiếp Hỏa** rực rỡ

Cầm Dao với sợi dây

Thiêu đốt Nghiệp phiền não

Nhóm **Vô Minh** (Avidya), **Chu Ngột** (sự sai lầm)

Chẳng còn có dư sót

_ Tiếp quán Tâm Bồ Đề

Dùng nước Đại Bi **gội** (mộc: thấm gội, gội đầu)

Nên tướng trong khắp thân

Chảy rót Cam Lộ trắng

Rưới khắp mười phương cõi

Các chúng sinh nóng bức

Sinh trưởng mầm Bồ Đề

Thứ tự sinh các con

(Đây là **Ngũ Luân Tự** (chữ) thành **Phật Thân**)

Tức tên là **Pháp Thân**

Bí Mật Nội Hộ Ma”

_ Lại nữa, Thế Tôn nói

“Ta thành Bồ Đề rồi

Diễn nói **mười hai loại**

Lửa Trí” Lửa đầu tiên

Tên **Đại Nhân Đà La** (Mahendra)

[Tức tên gọi riêng của **Kim Luân**. Làm hình chày Kim Cương, tức chỗ ngồi vuông vắn. Chỉ quán trong Đàn Tứ Giác có Bản Tôn]

Tuệ Quang (ánh sáng Tuệ) Tâm Bồ Đề

Hình vuông, màu vàng rực (hoàng kim)

[Biểu thị tòa Kim Cương]

Tôn ấy rất đoan nghiêm

Vòng hoa lửa vây quanh

Trụ **Tịch Tam Ma Địa**

(Đây tức là **Tỳ Lô Giá Na** cũng là Nội Hỏa, nghĩa của Pháp Thân. Bên dưới đều dựa theo đây)

Quán xong, dùng Mật Ngôn

Hay thành tất cả việc

Thuận đời, lò Đàn vuông

Vật cúng đều màu vàng

_ Thứ hai: lửa **Hạnh Mãn**

Hình tượng như trăng Thu

Sáng tỏ vòng khắp cả

Thân, áo màu trắng tinh

Nguyệt Luân Mạn Trà La

Cầm **Châu** (viên ngọc) với **Quân Trì** (Kuṇḍikā: bình chứa nước tắm rửa)

Trừ: nước, lửa, trùng, sương

Bệnh tật thân ta người

Mọi loại tai họa ác

Tâm do dự chẳng định

Lửa này hay Tịnh Trì

_ Thứ ba tên **Ma Lỗ** (Marūta)

Hình sắc rất khô đen

[Như lửa giáng phục của nhóm **Đồ Hôi** (Bhasman: nhóm Ngoại Đạo dùng tro bôi khắp thân)]

Phong Luân, Đàn bán nguyệt

Thế cầm lụa, gió thổi

Nói **người tu hành** kia

Tâm Số (Tâm tính toán) **Nghi** (nghỉ ngơi), tiến lùi

Là **Vọng Hoặc** (mê hoặc sáng bậy) vô thủy

Gốc phiền não chưa trừ

Thường quấy nhiễu ràng buộc

Dùng thêm **Ám Chướng** che

Số (Tâm tính toán) y đây đốt trừ

Tan hoại, đuổi **Trọng Vân** (Mây chồng chất)

_ Thứ tư: **Lô Hề Đa** (Rohita)

Tướng thân hình đoan mẫn

Tam Giác, vòng lửa sáng

Mặt trời sớm màu đỏ

Cầm đao, tướng giận dữ

_ Thứ năm: **Một Lật Noa** (Mr̥ḍa)

Tôn hình màu vàng nhạt

Trên thân **Tì** (râu ria), **Mấn** (tóc mai), **Phát** (tóc)

Đỉnh có Đại Uy Quang

Mắt, **trái**: giận, **phải**: vui

Màu, **trái**: đỏ, **phải**: vàng

Ngồi Tam Giác bên trái

Định (tay trái): đao, Tuệ (tay phải) cầm chày

Hay thành hai loại việc

Nhiếp Triệu và **Tức Tai**

_ Thứ sáu: **lửa Phần Nộ** (Krodha)

Tôn hình màu lửa rực

Nhắm một mắt, gằm lớn

Trên dưới hiện nanh chó

Đầu tóc rối cao vót

Hai việc: lửa và nước

_ Thứ bảy tên **Ôn Phước** (Jaṭhara)

Tức Đại Bát Niết Bàn

Nhanh chóng, rất phần nộ

Chữ **Ắc** (Ah: 埶) đủ năm màu

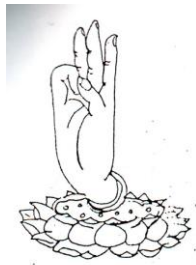
_ Thứ tám tên **Phí Háo** (Kṣaya)
Màu như gom mọi điện
Rất khó nhìn ngó được
Ngồi trong **Kim Cương Luân**
Hay trừ khiến Chướng nặng
Vớ quuyến thuộc **Đỉnh Hạnh**
_ Thứ chín lửa **Ý Sinh**
Tôn này tùy ý thành
Mọi loại thân **Phổ Môn**
Đại Lực Tự Tại Tuệ
_ Thứ mười: **Yết La Vĩ** (Kṛavyādā)
Bên tay phải Tôn ấy
Tiếng **Tịnh Hạnh Án Án**
_ Thứ mười một (Bản Phạm thiếu mất tên gọi)
_ Mười hai: **Mô Hạ Na** (Mohana)
Tôn hình, lửa **Kiếp Tai**
Đạo Trường giảng phục Ma
Nêu các loài hữu tình
Làm ác chẳng thể ngưng
Khuyến Đạo (khuyên nhủ mở lối), tăng chuyển đổi
_ Lửa này hay Tịnh Trừ
Phương tiện dùng chế phục
Mê Hoặc khiến không biết (Ý mật)
Dần dần dẫn vào Đạo

_ Tiếp bày bốn **Vi Mật**
Nghi Quỹ nên tu tập
Bản Tôn Chân Ngôn Án
Thân, miệng, ý tương ứng
Ba vị hòa hợp đúng
Mà làm các sự nghiệp
Do **ngoài** dẫn vào **trong**
Nghĩa Lý không sai biệt
_ **Tức Tai** (Śāntika) đầu đêm khởi
Tăng Ích (Puṣṭika), mặt trời mọc
Trung (giữa ngày) **Giáng Phục** (Abhicāruka) mãnh lợi
Câu Triệu (Akarsāya) tất cả thời
Ban đêm làm **Kính Ái** (Vaśīkaraṇa)
Phiến Để Ca (Śāntika) Tịch Tai
Thông minh với sống lâu
Kèm Pháp trừ chướng nạn
_ Năm sao (Mộc diệu, hỏa diệu, thổ diệu, kim diệu, thủy diệu) đã lẩn bức
Mọi loại các tai nạn
Miệng lưỡi (khẩu thiệt) với đấu tranh
Cung vua đã bức bách
Trong ngoài chẳng hòa thuận
Bảy Diệu (7 vì sao: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, La Hầu, Kế Đô) trái *độ thường*
Gió mưa chẳng đúng thời

Bệnh dịch với mất mùa
Quý My, việc chẳng lành
Khi tai nạn ấy khởi
Ngồi chèo đui, hướng Bắc
Dựng gối (đầu gối) trước đui phải
Quần áo phải trắng tinh
Ăn uống, hương, hoa, đất
Đèn, đuốc cũng như thế
Vành trăng bày Chân Ngôn
Văn tự cũng màu trắng
Trụ **ba Giải Thoát Quán** (Không, Vô Tướng, Vô Nguyện)
_ Vào **Không Tam Ma Địa** (Śūnyatā-samādhi)
Vận Tâm vòng Pháp Giới
Mở rộng, không một Pháp
Trong phút chốc, lắng Tâm
Diệt trừ tất cả **Kiến** (Dr̥ṣṭi)
Chưa trừ nơi **Không Chấp** (cố chấp vào Lý nghiêng về **Không**)
Vào **Vô Tướng Tam Muội** (Animitta-samādhi)
Lìa tất cả tướng ấy
_ Tiếp **Vô Nguyện Tam Muội** (Apraṇihita-samādhi)
Nơi **Trí Chân Như** (Tathatā-jñāna) ấy
Lìa tướng, vốn rỗng lặng
Cũng không nơi nguyện cầu
_ Từ **Tam Ma Địa** (Samādhi) khởi
Tương kỹ giữa ức, tim
Viên Minh (ánh sáng như cái gương tròn) rộng một khuỷu (tức Tâm Bồ Đề)
Giống như ánh trăng Thu
Sáng trong, ngựa tại tim
_ Tiếp quán miệng Bản Tôn
Câu bí mật đã trì
Rõ ràng thành đường chữ (chữ tạo thành con đường)
Nhập vào miệng **Du Kỳ** (Yogi: người tu Du Già)
Văn tự xoay bên phải
Bày ở vành trăng tim
Mỗi chữ, màu vàng rờng
Tôn ra ánh sáng lớn
Thân Tâm chẳng tán động
Nhập vào **A Tự Môn**
Tức ở mỗi một chữ
Suy nghĩ nghĩa Thật Tướng
Đây tên **Tam Muội Niệm**
_ Trước kèm **Quy Mệnh** tụng
Hăm một (21) mới trừ bỏ
Từ **Án** (Om) khởi đầu tiên
Cho con (họ tên...) trừ tai họa
Sa Phộc Hạ (Svāhā) cuối cùng
Vốn không gặp thêm việc
_ Niệm tụng dùng tiếng nhỏ

Nên tu Ý vắng lặng
Hộ Tôn (Pāla-nātha) tướng phần nô
 _ Nếu người làm **Hỏa Đàn**
 Đào hình lò ấy tròn (hoặc vuông)
 Một khuỷu, sâu nửa khuỷu
 Đáy lò, bùn làm **Luân** (Cakra: bánh xe)
 Luân ấy đủ tám cãm
 Lượng bằng **một Trách tay** [một gang tay](cao một ngón tay)
 Bốn **đoạn** (tiết) làm **Chu Giới** (giới hạn chung quanh)
 _ Tô Đàn thuần màu trắng (hương khác dựa theo đây)
 Cỏ tranh tốt trên thềm
 Tùy ngày, xoay bên phải
 Dùng góc che mâm ấy
 Hoặc bày mọi màu sắc
 Sáng đỏ rất **ngghiêm lệ** (trang nghiêm đẹp đẽ)
 Tất cả việc vẽ, thành
 Đốt hương Trầm, đèn bơ
 Các hoa quả tươi đẹp
 Thức ăn uống... cúng dường
 Đầu tháng đèn mông tám
Tam Dư (3 loại tàn dư của Phiền não, Nghiệp, quả báo) thời Hộ Ma
 Tâm **Từ** (Maitra-citta) sinh vui vẻ
 Ngoái nhìn ở tất cả

_ Nơi lược **Hộ Ma** đây
 Nên trì **Biện Sự Minh** (hoặc **Bất Động**)
 Dùng **Cát Lý Minh Vương** (Kilikila-vidya-rāja)
 Kết Hộ, gia trì vật
 Tuệ vũ (tay phải) Không (ngón cái) đè Địa (ngón út)
 Đuỗi **Ba La Mật** (các ngón tay) khác



Dùng nước thơm rưới khắp
 Chân Ngôn là:
“Án, cát lý cát lý, phộc nhật-la, hồng, phán tra”
 𑖀 𑖩 𑖫 𑖬 𑖭 𑖮 𑖯 𑖰 𑖱 𑖲 𑖳 𑖴 𑖵 𑖶 𑖷 𑖸 𑖹 𑖺 𑖻 𑖼 𑖽 𑖾 𑖿
Oṃ_kili kili vajra hūṃ phaṭ

_ Muốn làm các sự nghiệp
 Thành tựu Pháp **Kết Đàn**
 Hộ Thân với Đệ Tử

Tịch trừ các chương nạn
Do Ân Minh này nên
Các Thiên Tử **Tịnh Cư**
Thường đến ở nơi ấy
Quán chiếu, khiến mau nghiệm

_ Lò đốt Mạn Trà La

Ngoại (bên ngoài) tương vọng (trợ nhau nhìn ngó) làm riêng

Chỗ cúng như Đại Đàn

Nửa lò, đốt đầy than

Cành đã lấy trong cây

Nhóm củi cứng **Nhũ Mộc** (cây có chất nhựa như sữa)

Ném vào trong **Quân Trà** (Kunḍa: Lò lửa, lò Hộ Ma)

Toại Hỏa (lửa phát sinh từ dụng cụ lấy lửa) dùng dùng đồ cũ

Dùng quạt, chẳng dùng miệng thổi

Liên rưới nước thơm sạch

Đốt lò, tụng Minh sau

“**Án, bộ, nhập-phộc la, hồng**”

遇 飾 悟 翳 獨

Oṃ_ bhuj jvala hūṃ

Lửa đã phát sáng rực

Phấn Nộ Vương trừ dơ

Khế Minh gia khắp vật

Mỗi lần chạm, xưng Minh

[**Chỉ Lý Chân Ngôn** lúc trước. Bốn ngón tay cùng cài chéo lưng ngón xoay
chuyên, **Tuệ** (bên phải) đè **Định** (bên trái)]

_ Liên ở trong ngọn lửa

Mà tướng có chữ **La** (先:Ra)

Biến thành **Hỏa Quang Tôn**

Tân màu đỏ, tóc vàng

Ba mắt, bốn cánh tay

Toàn thân rực lửa sáng

_ Bạc Trí giương tay phải

Co Không Luân (ngón cái) vào chưởng (lòng bàn tay)

Đề Địa (ngón út), Thủy (ngón vô danh), Hỏa (ngón giữa)

Phong (ngón trỏ) co móc **Hô Triệu**

“Nay con cúi lạy thỉnh

Hỏa Thiên Thượng Thủ Tôn

Đại Tiên trong cõi Trời

Phạm Hạnh đã sùng kính

Nguyện giáng đến chôn này

Nhận vật cúng Hộ Ma”

Phụng Thỉnh Chân Ngôn là:

“**Án, ề hệ-duệ hứ, ma hạ bộ đa, nê phộc, lý-sử, trì-vĩ nhạ sa đa, ma ngật-ly
hứ đát-phộc hộ đề, ma hạ lam ma, a tất-nhĩ tán nễ hứ đồ bà phộc, a ngật-năng
duệ, hạ vĩ dã, ca vĩ dã, phộc hạ năng dã, sa-phộc hạ**”

𨮒 琿鉗扛 互扣穴凹 只向 源 盞介屹奈 互鉗扛班縮凸
互扣先交統戍市扛北矛向 挑蚱份 成防 一防 向成矧伏 送扣振

**Om_ Ehyehi mahā-bhūta deva r̥ṣi dvijasatta magr̥hitvāduti, mahā-rama
asmisaṃnihitobhava agniye havya kavya vahanaya svāhā**

_ Hỏa Thiên đến dự, ngồi

Ấn **sái tịnh** (rưới vẩy cho sạch sẽ) nơi lửa

(Dùng cỏ tranh làm **Tiểu Thúc** (bó nhỏ) hoặc **Tam Cổ Ấn** rưới nước lên lửa
sạch (tịnh hỏa) bên trong lò)

Chân Ngôn là:

“Ấn, a mật-lý đế, hạ năng hạ năng, hồng, phán tra”

𨮒 珮徧包 神矧神矧 嫗 民誑

Om_ Amṛte, hana hana, hūṃ phaṭ

_ Rải hoa ở **Quân Trà** (lò Hộ Ma)

Hiển nước thơm Ất Già

Kim Cương Quyên, duỗi Phong (ngón trở)

Dùng khuấy nước Ất Già

Chuyển phải, rưới trong lò

Tưởng xúc miệng Hỏa Thiên

Cát Tường Chân Ngôn là:

“Ấn, phộc la na, phộc nhật-la, đàm”

𨮒 向先叨 向忝 澹

Om_ varada vajra dham

_ Các chi Phần Hộ Ma

Đề sẵn ở bên phải

Hai muống, vật khí trống

Nhóm bơ, mật, dầu, củi

Đề ở ngay bên trái

Nên dùng Nghi Hộ Ma

Hai tay tại hai gói (2 đầu gói)

Xuay theo phải, thuận chuyển

Định Vũ (tay trái) cầm **Châu Chử** (chày ngọc)[Kim Cương Quyên]

Duỗi Phong (ngón trở) kèm muống lớn

Tay Tuệ (tay phải) cầm muống nhỏ

Lấy **Danh Tô** (bơ tốt) ba lần

Rót đầy muống lớn ấy

Tuệ (tay phải) buông Tiểu (muống nhỏ) nắm Đại (muống lớn)

Cuối câu, tưới trong lửa

Đưa vào miệng Hỏa Thiên

_ Dầu, mật và sữa, Lạc

Cháo sữa, cháo ngũ cốc (5 loại lúa đậu)

Cơm gạo, Đạo Cốc (hạt gạo không bỏ vỏ), hoa

Thứ tự hiến ba lần

_ Quả ngọt, gỗ cây mạn

Nhóm **Tường Vi** (một thứ cây mọc ven tường), **Nhũ Thụ** (cây có chất nhựa
như sữa)

Trầm (cây Trầm Hương), **Đàn** (cây Đàn Hương), **Bách** (cây Bách), **Phong** (cây Phong) **cầu** (cầu tạo, xây đắp)

Lượng dài một trách tay (một gang tay)

(hoặc mười ngón tay, hoặc bốn ngón tay, thô kệch như ngón trỏ)

Hai đầu đều tằm bơ

Ném vào trong **Quân Trà** (lò Hộ Ma)

(3 lần, hoặc 21 lần, hoặc 108 lần)

_ Đinh Hương, Bạch Đàn, Trầm

Huân Lục, Long Nảo Hương

Đậu Khấu, hạt cải trắng

Cùng với Tô Hợp Hương

Nửa làm bột, nửa (làm) viên

Viên dùng bơ, mật hòa

Theo trước, ném vào lửa

Ba lần đều như đây

(hoặc 108 lần, hoặc 21 lần. Lại dùng muỗng nhỏ tưới vào lửa 21 lần)

Chân Ngôn là:

“**A ngật-nặng duệ, hạ vĩ dã, hạ vĩ dã, phộc hạ nặng dã, địa bỉ dã, địa bỉ dã**
(phiến đề, tăng ích bổ sắt trí) **câu lỗ, sa-phộc hạ**”

豸蛆份 成防 一防 善成俗伏 叵汽 叵汽 叵扔伏 送扣振

Agnaye havya kavya vahanaya dīpya dīpya (Śāntīm, Puṣṭīm) kuru svāhā

_ Chữ **Hạ** (Hā) dẫn tiếng ấy

Tiếng dùng lại cùng **Quả**

Hành Nhân ở bên trái

Thầy dùng Tuệ (tay phải) cầm chày

Tịch Tai Hộ Ma Chân Ngôn là:

“**Nặng mặc tam mạn đa một đà nam (1) a, ma hạ phiến đề nghiệt đa (2)**
phiến đề ca la (3) bát la thiểm ma, đật ma, nễ nhạ đa (4) a bà phộc, sa-phộc bà
phộc (5) đật ma tam ma đa, bát-la bát-đa, sa-phộc hạ”

巧休 屹互阢 后盍觥徧 珙 互扣 圭隼 丫凹 圭隼 一先徧 濃在互 叻獲
市蛔凹徧 豸矢向 辱矢向 叻準 屹互阢直揖徧 颯扣振

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Ah_ mahā-śānti gata, śānti kara, praśama-
dharma nirjāta, abhāva svabhāva dharma, samanta prāpta svāhā

Thỉnh Hòa Thiên rời lò

Đến vị trí Đông Nam

_ Tiếp nên cầm lò hương

Thỉnh nơi **Bản Cung Diệu**

Với **Mệnh Nghiệp Thai Tú**

Quyền Ấn, Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) câu móc

_ Tiếp thỉnh nơi Bản Tôn

Hay tay nâng hoa mùa

Khử dơ với **Quang Trạch** (sáng bóng)

(hoặc Bộ Chủ gia trì)
Liên xa lìa lò, ném
Tưởng hoa khắp các Tòa
Như trước, lại **tịnh hỏa**
Thỉnh **Tôn** vào trong lò
(đều dùng Bản Chân Ngôn thỉnh, mỗi mỗi cúng dường, hoặc **Đường Bộ** kèm
quyển thuộc)

Thành Tâm mà cúng dường
Chuyên chú nơi Thánh Chúng
Tuôn ra mây rộng lớn
Com, **thực** (thức ăn), phượng, phan, lọng
Trần khắp vi trần cõi
Phụng hiến chúng Thánh Thiên
Các hữu tình **ba ác** (3 loại tâm ác)
Được ánh sáng chiếu chạm
Dứt khổ, thân tâm vui
Cho đến **Hộ Thế Thiên** (Loka-pāla-deva)
Ba lần Hộ Ma xong
Hương, hoa, Thực (thức ăn) đã cúng
Gom lại đều hòa chung
_ Vì **La Nhạ** (Rāja: Vua chúa) Hộ Ma
Quyển thuộc kèm **bách hoạn** (trăm chức quan)
Chúng sinh trong Pháp Giới
Thân mình...đều **ba hộ** (3 lần Hộ Ma)
(dùng **Diệt Ác Thú Chân Ngôn** 3 lần, 5 lần, 7 lần. Trích trong Kinh **Kim**

Cương Đỉnh)

Cuối cùng, bốn mặt lò
Thức ăn uống, quả trái
Gia trì xong, Hộ Ma
Thầy đi ra, rửa tay

_ Lại ở chốn thanh tịnh
Cầu cúng **Bát Phương Thiên** (các hàng Trời ở tám phương)
(mỗi mỗi cúng nhóm chư Thiên, kèm như văn riêng. Lại lấy com, thức ăn để
trong cái chậu nhỏ, bỏ thí cho hàng Quỷ Thần ở bốn phương)

_ Quay lại cúng bái lửa
(với nhóm Tú Diệu đều cúng tế ba lần)
Vui vẻ thỉnh chư Thiên
“Đại Thiên ! Súc uy thần tự tại
Hay mắn vô lượng Nguyện chúng sinh
Khiến điều mong cầu, nguyện thành tựu
(khiến cầu tăng vinh hoa, giàu có. Khiến cầu yêu kính , nguyện đều thành)
Cúi lạy chư Thiên về **Bản Cung** (cung điện của mình)
Sau này, khi chí thành thương thỉnh
Nguyện xin đến đây, nhận cúng dường”
Chân Ngôn là:
“**Cát lý cát lý phộc nhật-la, mục hạ**”

丁印丁匡善忝 鄴

Kilikili-vajra muḥ

_ Nếu người cầu **tăng trưởng**

Tên **Bồ Sát Trí Ca** (Puṣṭika: Tăng ích)

Tâm mừng vui, tương ứng

Mông chín đến mười lăm (trong tháng)

Năm Thần Thông, kho báu

Kiểm, luân (bánh xe), chày, tài vật

Thuốc viên, thuốc xoa mắt (nhãn dược)

Biến đổi tốt, tăng thọ (tăng thêm tuổi thọ)

Phước, Trí với tiếng tăm

Chức Nhân (chức vị và chức trách của vị quan), y vua quan

Các tường, thẳng an lạc

_ Ngồi **Kiết Già**, hướng Đông

Quần áo đều màu vàng

Thêm bớt câu Chân Ngôn

Như trước không có khác

Chuyên chú mây cúng dường

Vòng khắp mười phương cõi

Với chiếu các hữu tình

Đều được nơi **Vinh Thịnh** (hiền đạt hưng thịnh)

Phú Quý với sống sâu

Tức mây ánh sáng này

Ở nơi cư trú ấy

Mưa vật dụng bảy báu

Mưa Cam Lộ cõi Trời

Rưới rót Tâm Hành Nhân

_ Lò vuông hai khuỷu tay

Chung quanh sâu nửa khuỷu

Đáy để chày Tam Cổ (lượng như lúc trước)

Dùng Đàn (Đàn Hương), Uất Kim (uất kim cương) bôi

(Bạch Đàn làm hương đốt, đèn dầu mè)

Quang Âm (ābhāsvara: Quang Âm Thiên) với **Tuế Tinh** (Vṛhaspati: Mộc Diệu)

Nhóm **Vinh Hữu Ý Tú** (Ấn lúc trước)

Chỗ cúng theo **Nghi** trước

_ Nếu cầu Pháp **Hoan Ái**

Tên **Phộc Thí Ca La** (Vaśīkaraṇa: Kính Ái)

Tâm mừng giận tương ứng

Mười sáu (ngày 16), hai mươi ba (ngày 23)

Triệu (kêu gọi) người với Trời, Rồng

Quý Thần, loài Phi Nhân

Tất cả nơi kính yêu

Nhà, nước với quyền thuộc

Oán địch, các bạn bè

Hòa thuận mà vui vẻ

Với câu Diệu Biện Tài

Cúng tám Bộ Trời Ròng
Tất cả chỗ hộ niệm
Thỏa mãn điều cầu nguyện
_ Ngồi **Bán Già**, hướng Tây
Trên, cầu tăng trưởng đồng
Cùng tôi (họ tên) nhiếp việc đó (nêu tên việc đó)
Trì Minh, Tâm vui vẻ
Hộ Tôn, tướng **Tịch Phần** (Yên lặng giận dữ)
Kim Cương Câu (Vajarāṃkuśa) nhiếp triệu
Dẫn mây, cúng Pháp Giới
_ Tiếp **triệu** (kêu gọi) ba nẻo ác
An trí nơi người, Trời
(Tuờng **Chúng** được kêu gọi nhập vào Tâm ấy, kêu gọi đến)
Mây **Hoa Tiễn** (mũi tên hoa) vui vẻ
Bán Nhị Thừa Yểm Ly (Tâm chán lìa của hàng Nhị Thừa)
Giận, ghét, ba Chướng nặng
Vớ trù Tâm oán hận
Khiến đến **Cực Hỷ Địa** (Pramuditā-bhūmi: Địa vị đầu tiên trong 10 Địa)
(bản ở 5 chỗ: vàng trán, 2 vú, trái tim, phần bên dưới)
_ Lò như sen tám cánh
Nở rộ, đủ dài nhụy
Lượng một khuỷu, sâu **nửa** (nửa khuỷu tay)
Đáy để hoa sen hồng
Hai đường viên, bốn ngón (4 ngón tay)
(màu trắng, cao một ngón tay)
Trang phục: hồng, trắng, vàng
_ Đè Không (ngón cái) nhắc Phong Luân (ngón trỏ)
Mỗi phương đều một chắm
Liên thành **Đại Kết Giới**
Chữ **Hồng** (猊: Hūm) gia hộ khắp
(Dùng vật báu cúng dường)
_ Đốt Đỉnh Hương, Tô Hợp
Dùng dầu quả (dầu của trái cây) thấp đèn
Củi: **cây Nhũ Thứ Quả** (cây có nhựa như sữa, cây có gai, cây có quả trái)
Dùng hoa đỏ cúng dường
Trong lửa **Đình-dạ duệ la**
Màu hồng, tóc xanh biếc
Trời: **Phạm Tử** (Brahma-putra), **Thái Bạch** (Śukra)
Thành nhóm **Thai Thân Tú**
Hộ khắp, xin vui vẻ

_ Nếu làm Pháp **Giáng Phục**
A Tỳ Già Lỗ Ca (Abhicāruka)
Hai mươi bốn (ngày 24), cuối tháng (ngày cuối tháng)
Chế (chế ngự) Quý Thần, người ác
Phá hoại **mắt Chính Pháp**
Vớ các Ròng độc ác

Tuôn mưa mạnh **trái thời** (chẳng đúng thời tiết)
Sương, **bạc** (mưa đá) hại lúa mạ
Nước lụt, hạn hán trái thời
Quý Mỹ lưu hành khắp
Nơi nơi hiện biến quái
Mọi người chẳng an ninh
Chỗ ở luôn náo loạn
Vớ hành **chẳng trung hiếu**
Pháp này hay chế trừ
Vì an vui Thế Gian
Bày phương tiện lớn này
Gồm lợi ích kẻ kia
_ **Nội** (bên trong) khởi Tâm Từ Bi
Ngoại (bên ngoài) là đại phần nộ
Đen xanh trên các màu
Trong tim, quán Viên Minh (Ánh sáng như cái gương tròn)
Biển đồng Đại Nhật Tôn
Rực rỡ không cùng loại
Phát sáng như **Kiếp Diễm** (cuối đời Hoại Kiếp dấy lên tại nạn lửa lớn thiêu đốt hết Thế Giới)
Chân Ngôn, gắng xung mạnh
Người bên cạnh nghe được
_ **Hộ Tôn**, ý vắng lặng
Liên quán **Phần Nộ Tôn**
Khấp thân, các chân lông
Tuôn ra mây khí trượng
Cúng dường tận hư không
Tất cả Tôn phần nộ
Tuôn mưa các khí trượng
Rơi lên chốn cư ngụ
_ Lò lửa hình tam giác
Trong để chày Độc Cỗ
Lượng đồng **Phộc Thí Ca** (Vaśīkaraṇa: Kính Ái)
Đất Đàn, tô màu đen
Tòa cây gai, hoa đỏ
Hoa đen không hơi thơm
Rải dày xong cúng dường
(com, thức ăn dùng nước cốt của Thạch Lựu thấm vào)
Thiệt tráp (nước cốt của sắt thép), nước phèn đen
Hoa đen, hạt cải, bách (cây bách)
Chút ít để (trong) Át Già
Hương đốt, dùng An Tất
Dầu hạt cải làm bắc (bắc đèn)
Lỗ Địa La (Rudhira: máu huyết) mỡ bò [làm đèn]
Cúng dường nơi Thánh Tôn
Phần nộ gia hộ khắp
Chân Ngôn là:

“**Hồng, cát lý cát lý phộc nhật-la, hồng hồng hồng, phán tra, phán tra, phán tra**”

猪 丁印丁匡寿忝猪猪猪 民誑民誑民誑

Hūm kilikili-vajra hūm hūm hūm phat phat phat

_ Thứ tự nhiều (quanh) **Quân Trà** (lò Hộ Ma)

Bày cỏ gai hôi xấu

Bác **Khô Sâm** trong lò

Lửa dính nước Sái Tịnh

Chữ **La** (先: Ra) thành Hòa Thiên

Màu đen, lửa khói khắp (Thỉnh Triệu dựa theo lúc trước)

_ Máu mỡ của con bò

Bơ, sữa, mật, dầu mè

Vĩ Sa (Viṣa: chất độc) cùng hợp chung (hoặc dùng **Đầu Tạc**)

Hăm một (21 lần) ném Quân Trà (ném vào lò Hộ Ma)

_ Cúi: xương, tóc, cây xấu

Sâm (một loài cỏ quý) gai nhọn, vĩ sa (chất độc)

Thấm ở đầu **Lỗ Địa** (máu huyết)

Tưới khắp, tụng Chân Ngôn

Chỉ bày **Bản Phương Vị** (vị trí của phương gốc)

Khải thỉnh **Trần** (Śanaīscara: Thổ Diệu), **Huỳnh Hoặc** (Aṅgāraka: Hỏa Diệu)

Sâm Tinh (Ārda: Sâm Tú) và **Liễu Tú** (Āśleṣa)

Phát Nguyện, ca vịnh khen

“Đại Thiên ! Sức uy thần phần nộ

Hay mãn chúng sinh, diệt oán địch

Nay cầu phá địch, diệt oán thù

Cúi lạy chư Thiên về Bản Cung

Sau có lúc chí thành thương thỉnh

Nguyện xin giáng đến, nhận cúng dường”

Phụng Tụng Chân Ngôn là:

“**Bồ nhĩ đơ, đồ ma dã, bạc đễ-dã nghiệt tha, a ngật-nịnh, sa-phộc bà phộc nam, bồ năng la ti-dã nga ma na dã, sa-phộc hạ**”

朮元北 帆互仲 矛瀟丫欸 豸蚱 辱矢名觥 旦巧先沃丫交叨伏 送扣振

Pūjito simayā bhaktyāgaccha agni svabhāvānām punarapyāgamādaya svāhā

_ **Giải Giới** như Nghi Tắc

Đôi thẳng trước mặt Tôn

Duỗi thân, động chi tiết

Nhỏ bậy với tiếng than

Việc của nhóm như vậy

Chế ngự, đừng kiêu mạn

_ Đại Giáo A Xà Lê

Bạc Tuệ khéo, Hạnh sâu

Muốn cầu Đại Tất Địa

Nên luôn tu Hộ Ma

Mỗi (1 lần) đủ ba Lạc Xoa

Một lần, lửa cúng dường

_ Lại nữa, tướng Hộ Ma
Lửa đỏ hoặc vàng rờng
Nhu **Ngưu Tô** sáng bóng
Lửa thơm tho, không tiếng
Trên lửa sinh lửa chông
Phân tán, hình dù lọng
Vật đã được gia trì
Ám, khói với ánh sáng
Ổ trong phát tiếng lớn
Phạm Âm Sư Tử Hống
Tiếng sấm, vi diệu hương (tiếng dội lại vi diệu)
Tiếng chuông, trống, Nhã Nhạc
Nên biết tướng thành tựu
Nếu hơi lửa ấy lạnh
Màu không có sáng bóng
Đại Tinh (ngôi sao lớn sáng trong Tinh Tú) bèn tiến ra
Hoặc lửa hôi như khói
Biết **Tấn** (lửa tàn) dấy vào đất
Nên biết chướng trong ngoài
Tu **Sơ Pháp** (Pháp đầu tiên) Tức Tai (ngưng dứt tai nạn)
(Đây cùng với Giáng Phục thành)
_ Hoặc mộng: Phật, Bồ Tát
Kim Cương hoặc các vua
Bà La Môn, Cư Sĩ
Minh Vương hoặc Tam Bảo
Mặc áo trắng đẹp mới
Thân đeo các Anh Lạc
Mỹ nữ trang phục đẹp
Mang thai, hoặc Đồng Tử
Cầm: hương, hoa, bình, lọng
Hoặc cung kính cúng dường
Nhiều quanh mà hành Đạo
Ăn: gạo tẻ, lạc, cơm
Sữa Cam Lộ, quả, hoa
Rừng rậm hoặc lên núi
Đền Tháp hoặc lầu gác
Hoặc ngồi xe, ngựa, voi
Sư Tử, bò, hươu nai
Bạch Hạc, Khổng Tước Vương
Kim Sí Điều với thuyền
Trên biển, nước trong sạch
Tự tại bay trên Không
Lửa sáng rực khắp thân
Ngồi trong Tòa nghe Pháp
Hoặc ở Chúng nói Pháp

Được trên châu, diệu bảo
Thương Khư (Śāṅkha: Loa), Luân (bánh xe), kiếm, chày
Khéo nói mà an ủi
Mây ngũ sắc, điện chớp
Gió nhẹ, mưa hoa Trời
Hương xông ướp, tắm gội
Đầy đều ứng thành tựu
Thức tỉnh, đừng ngủ lại

_ Nếu mộng: người **khôi quái** (người chủ về sự giết chóc)
Heo, lừa, lạc đà, chó
Hoặc tiếp chạm, ở gần
Xác chết cũng như thế
Quý ác, đường đáng sợ
Thân mặc áo rách xấu
Người nữ hình xấu xí
Các vật chẳng tốt lành
Là **Chướng**, chẳng thành tựu

_ Hoặc có **vọng niệm** khởi
Trái khuyết **Tam Muội Gia** (Samaya)
Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) buộc bên trong
Hỏa Luân (ngón giữa) quấn hai Phong (2 ngón trỏ)
Trước hợp tập Đại Luân
Hăm một (21) Chướng đều tiêu
Ngủ say, **Bộ Mẫu** hộ
Bộ Chủ hộ trụ xứ
Các mộng ác chẳng lành
Trăm biến (100 lần) **Bộ Mẫu Minh**

_ Phàm lúc muốn ăn uống (khiết thực)
Trì **Minh** dâng Bản Tôn
Bộ Chủ Minh Chân Ngôn
Gia trì **thức ăn** ăn
Hộ Ma như kính Pháp
Vi tế, hiểu rõ ràng
Chút phần chẳng tương ứng
Mọi ác đều đến tập

_ Đủ ba số Câu Chi
Thường được thấy Bản Tôn
Tâm thông Môn giải thoát
Trí Tuệ chẳng thể lường
Nguyện **Thế, Xuất Thế Gian**
Đều đầy đủ mong cầu

_ KIẾN LẬP MẠN TRÀ LA HỘ MA NGHI QUỸ (Hết)_

Quỹ này do **Pháp Toàn** 挑弋搏 (Arya:Quỹ Phạm Sư) gom tập, đường lối chủ yếu của 旭互 (Homa) vậy.

Bản đây do Đại Sư **Từ Giác** thỉnh về (**Bí Lục** nói là: **Nhân Lục Ngoại**). Có điều khi chuyển chép thì sai lầm nhiều. Nay kiểm tra đính chính chỗ thiếu sót, dùng tuổi thọ khác chữ, mong đợi bậc Hiền Thức tiếp tục thay đổi cho chính đúng

Thời ấy, Tinh xá **Nguyên Văn** _ Cường Ngữ Đại Hoang Lạc (tức năm Đinh Ty), ngày của **Quý Hạ** (tháng 6) nóng bức khác thường như đang ở trong cái nồi đất. Ban ngày giảng 帆鉢 (siddhām), ban đêm xét xét duyệt lại, chỉ là vì Pháp, mỗi mỗi thành thật mà dùng.

Phong Sơn Trường Cốc Luân Hạ_ **VÔ ĐĂNG** ghi

19/08/2012